

Sự phát triển của ngôn ngữ văn xuôi trong lịch sử văn học Việt Nam

Vũ Thị Thanh Hoài*

*TS. Khoa Kiến thức cơ bản, Trường Đại học Văn hóa

Received: 25/4/2023; Accepted: 02/5/2024; Published: 10/5/2024

Abstract: History has left us with some fairly basic concepts about artistic language. Seeing the process of developing prose language in literary history, we clearly see a change in linguistic perspective. The changing vision of language also places language in a process of constant change. The article overviews the development of prose language in the history of Vietnamese literature and introduces some typical prose language styles.

Keywords: The development of prose language

1. Đặt vấn đề

Lịch sử đã để lại cho chúng ta một số quan niệm khá cơ bản về ngôn ngữ nghệ thuật. Đó là những yêu cầu và tiêu chuẩn bắt buộc, không thể thiếu được, dù là trên hình thức. Đã gọi là chữ nghĩa văn chương thì nhất thiết phải hay, phải tao nhã “lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu”. Văn chương phải được xướng hoạ, ngâm vịnh để có thể đàm đạo, thưởng thức cái hay, cái đẹp. Như vậy, việc thẩm định giá trị văn chương của người xưa không hoàn toàn xa lạ với những đòi hỏi của chúng ta ngày nay. Thấy được quá trình phát triển ngôn ngữ văn xuôi trong lịch sử văn học, chúng ta thấy rõ có sự thay đổi về nhân quan ngôn ngữ. Nhân quan ngôn ngữ thay đổi cũng đặt ngôn ngữ trong quá trình biến chuyển không ngừng. Bài viết khái quát về sự phát triển của ngôn ngữ văn xuôi trong lịch sử văn học Việt Nam và giới thiệu một số phong cách ngôn ngữ văn xuôi tiêu biểu.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về sự phát triển của ngôn ngữ văn xuôi trong lịch sử văn học Việt Nam.

Theo Bùi Việt Thắng, “*Thế kỷ XV, văn tự sự được đánh dấu quan trọng bằng “Thánh Tông di thảo” của Lê Thánh Tông*” và “*bước sang thế kỷ XVI, văn tự sự bằng chữ Hán tiêu biểu nhất là “Truyện kỳ mạn lục” của Nguyễn Dữ được coi là “thiên cổ kỳ bút”, không còn là ghi chép lịch sử mà phản ánh - tái tạo lịch sử*” [5]. Nhưng quá trình phát triển của ngôn ngữ văn xuôi Việt Nam còn không ngừng hướng tới sự hoàn thiện. Ngôn ngữ văn chương thời kì này dễ nhận thấy thể hiện sự khéo léo, tinh xảo, “trăm luyện thành chữ, nghìn luyện thành câu” - (Bì Nhật Hưu). Các tác giả vận dụng nhiều công thức khuôn sáo trong diễn đạt, tạo khoảng cách thẩm mỹ bằng “tính trang trí” (chữ của GS. Trần Đình Sử) qua cách dùng chữ, đối ngẫu,

điển tích, tiết tấu, hình ảnh ước lệ, đầy hoán dụ, ví von, định ngữ, nghệ thuật làm cho lời văn được mỹ lệ: “*Giữa lúc tinh thần bối rối, nhà vua mộng thấy một người con gái, ước chừng trên dưới hai mươi tuổi, dung nhan tựa hoa đào, mày đậm như dương liễu, mắt giống như sao băng, miệng cười đường hoa nở*” (“Việt điện u linh”- Lý Tế Xuyên). Họ chú ý đến phong cách trang trọng, tao nhã của tiếng Hán, còn tiếng Nôm biểu đạt cái thông tục, gần gũi hàng ngày.... Chính quan niệm về ngôn ngữ văn chương như thế đã ảnh hưởng đến phong cách, hệ thống các phép tu từ, thể loại từ vựng v.v... Tóm lại, ngôn ngữ “*hình thức của nó chuộng câu đối, hài hoà, trang nghiêm. Văn chương phải được viết có kỹ xảo, gọt rửa, hoa mỹ, thay cho từ ngữ thông thường là điển tích... Người ta vẫn quý sự bình dị, tự nhiên, nhưng là thứ bình dị, tự nhiên, trang nhã*” [1, tr. 1]

Ngôn ngữ văn xuôi tiếng Việt thế kỷ cuối XVIII, đầu thế kỷ XIX bắt đầu có sự chuyển biến cùng với sự chuyển biến của đời sống kinh tế, xã hội buổi giao thời “Mưa Âu gió Á”. Chế độ thực dân nửa phong kiến đã phá vỡ cuộc sống phẳng lặng trước đây. Phạm trù văn hoá phong kiến chuyển sang phạm trù văn hoá tư sản. Thay vào sự chi phối của phạm trù ý thức hệ phong kiến là phạm trù ý thức hệ tư sản và một phần vô sản. Lực lượng sáng tác và công chúng văn học cũng thay đổi; xuất hiện lớp văn sỹ mới: Tây học, tân học cùng với số lượng công chúng đô thị, thị dân đông đảo. Chữ quốc ngữ ra đời. Công cuộc hiện đại hoá văn học diễn ra từng bước và có những chuyển động đáng mừng. Bạn đọc có nhu cầu hiểu rõ, cụ thể cuộc sống, đòi hỏi nhà văn phải thay đổi cách diễn đạt, quan niệm văn học, tư tưởng thẩm mỹ của người sáng tác cũng phải khác trước. Đây là quá trình cố gắng thoát khỏi hệ thống quy phạm cũ để tìm ra hình thức nghệ

thuật mới cho phù hợp với thời đại. Hồ Biểu Chánh là một trong những người đầu tiên đặt nền móng cho nền văn chương hiện đại Việt Nam. Ngôn ngữ trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh trở nên chân thực, bình dân, phản ánh hiện thực sinh động tâm lý người miền Nam những ngày đầu thế kỷ. Nhân vật của ông mang rất rõ đặc trưng Nam bộ trong ngôn ngữ, nói năng: “*Con nhớ sắp nhỏ quá, để con thăm chừng nó một chút, con cắt nghĩa sự con làm hồi trước rồi con đi liền. Thân con cực khổ lung lắm, không biết sống chết bữa nào...*” (“Cha con nghĩa nặng”). Khước từ lối ngôn ngữ sách vở, bác học mà nó bắt đầu gắn với ngôn ngữ đời thường, giản dị, tuy còn vụng về trong cách miêu tả: “*Lúc ấy Trần Văn Sửu mất trí khôn, hết nghị lực, máu trong tim chảy thành thạch, nước trong con mắt tuôn ròng ròng, đứng xui vị xui lơ, không nói được một tiếng chi hết*” (“Cha con nghĩa nặng”). Hoàng Ngọc Phách cũng là người mở đầu cuộc cách tân trong văn học với “Tổ Tâm” - câu chuyện tình đậm màu sắc hiện đại... Nhưng nhìn chung ngôn ngữ văn xuôi vẫn chưa hoàn toàn thoát khỏi lối văn biền ngẫu réo rắt: “*Em ơi, sinh ra là gái mưa sa là phận, rủi may âu cũng sự gò, ai biết hay đâu mà tìm, biết dơ đâu mà tránh*”, “*Anh thiết tưởng em có thể hưởng một cuộc đời rất êm ái, nào cửa nào nhà, nào con nào cái, sớm trưa sum họp, cảnh gia đình cùng ai âu yếm suốt trăm năm, như vườn đào mùa xuân, như hồ sen mùa hạ, có phải một đời khỏi nỗi chơ vơ không?*” (“Tổ Tâm” - Hoàng Ngọc Phách). Đây là lối văn xuôi có tiết tấu, nhịp điệu, vần điệu và đối ngẫu chặt chẽ, mang dáng dấp của thể phú, đôi khi lại còn có thể điểm xuyết bằng một câu văn vãn...

Từ khoảng 1930 cho tới 1945, ngôn ngữ văn học đã có bước tiến mạnh mẽ: “*Cho tới cách mạng tháng Tám giá trị của tiếng Việt đã hoàn chỉnh là một ngôn ngữ văn học toàn diện*”. Đúng như người ta từng nhận định: Văn chương Tự lực văn đoàn “*sáng sủa, nhưng bằng phẳng, nhạt*”, văn Xuân Thu Nhã tập “*trở về với tiếng Việt xưa nhưng không quan tâm tới sự phát triển của tiếng Việt trong tương lai, cũng tức là hướng phát triển trong tâm lý người Việt Nam*”. Đến văn xuôi Nguyễn Tuân, Nguyễn Hồng, Nam Cao,... đã “*mang phong vị Việt Nam nhưng không giản lược mà là thể hiện đầy đủ hơn, trung thực hơn cái phức tạp của cơ cấu mẹo luật tiếng Việt tiếng nói bình thường của quần chúng*”. [3]. Nếu như thời gian đầu, văn xuôi chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi thơ, đã dựa vào thơ để dần dần tách mình ra, tìm một tiếng nói thẩm mỹ độc lập, một bảng màu nghệ thuật độc lập thì văn xuôi nghệ thuật tiếng Việt ngày càng đạt đến một độ chín

mấy, đầy đặn, với những vẻ đẹp riêng. Hơn thế người ta còn chứng kiến sự ảnh hưởng trở lại của ngôn ngữ văn xuôi đối với ngôn ngữ thơ, thể hiện ở sự ra đời thể thơ tự do trong sáng tác của Huy Cận, Chế Lan Viên...

Những biến động của lịch sử Việt Nam từ sau 1945 đến 1975 đã chi phối toàn bộ đời sống trong đó có văn học. Đáp ứng yêu cầu một nền văn học phục vụ công- nông - binh, vì mục đích đấu tranh, xây dựng và thống nhất đất nước, ngôn ngữ văn học nói chung, văn xuôi nói riêng mang rất rõ đặc điểm đó của thời đại. Khác hẳn với những từ ngữ dài các, sướt mướt, uỷ mị của văn chương Tự lực văn đoàn: “*Trong làn không khí yên tĩnh êm đềm, tiếng chuông thông thả ngân nga như đem mùi thiền làm tăng vẻ đẹp thiên nhiên. Lá cây rung động, ngọn khói thướt tha, bóng lúa sột soạt, như cảm theo tiếng gọi của Mẫu Ni, muốn theo về nơi hư không, tĩnh mịch*” (“Hồn bướm mơ tiên”), là ngôn ngữ mang đậm tính đại chúng với cách nói cách nghĩ của quần chúng, ồ ạt bước vào văn chương, tạo lên một thứ quy phạm mới trước đây không thể có: “*Con đường cái đất từ làng đến chợ Hồ như bị lột đi lượt da nấu hồng ở ngoài, còn trơ lại những miếng thịt xám ngoét lồi lõm, nhầy nhụa lổn nhổn những ngọn mạ xén, rẽ cỏ, mạ thối, cắt trâu, bùn*” (“Xung đột” - Nguyễn Khải). Vương Trí Nhàn khẳng định: “*Đã có thể nói tới cả một thời đại trong ngôn ngữ, cái thời đại ấy có những đặc trưng của nó, và mỹ cảm riêng của nó*” [3]. Chính sự chuyển biến tư tưởng của lớp người cầm bút trước đòi hỏi của đời sống kháng chiến, quá trình “*cách mạng hoá tư tưởng, quần chúng hoá sinh hoạt*” đã khiến cho ngôn ngữ văn xuôi nghiêng hẳn về lời ăn tiếng nói của quần chúng để học lấy cái chắc khỏe và tìm ra những vẻ đẹp mà trước đây họ không nhận ra: “*Vùng mỏ*” của Võ Huy Tâm, “*Con trâu*” của Nguyễn Văn Bổng, “*Một chuyện chép ở bệnh viện*” của Bùi Đức Ái... đã đánh dấu sự xâm nhập của tiếng địa phương vào văn học. Tô Hoài rất tinh khi ông nắm bắt được cái hồn của ngôn ngữ trong dạng dung dị, tự nhiên của nó khi ông viết về Tây Bắc. Đây là con mắt nhìn là cách nói tiếng Việt rất đặc biệt của người dân tộc miền núi: “*Một hôm, A Phủ bỗng thấy dưới bàn Pe có một vệt đỏ như ở mối đùn. Không biết là cái gì, sang bên làng hỏi mọi người rồi về báo vợ: - Thằng Tây đồn bàn Pe đục đất làm nhà ở, đất đỏ như ta trông thấy đấy*”. (“*Vợ chồng A Phủ*”). Trong văn học những năm chống Mỹ, ngôn ngữ văn xuôi ngày càng đậm dần chất chính luận. Khuynh hướng sử thi gắn liền với cảm hứng lãng mạn, bởi vậy giọng điệu chủ yếu của ngôn ngữ văn xuôi giai đoạn này là giọng ngợi ca cách mạng, hình ảnh mang tầm vóc kỳ vĩ lớn lao. Văn

xuôi xuất hiện phổ biến những từ ngữ, hình ảnh giản dị, cô đúc, dễ hiểu, hình thức cú pháp chặt chẽ và hợp lý không chuộng sự màu mè, chỉ cốt phản ánh hơi thở của cuộc sống còn nóng hổi tính chiến đấu và chiến thắng oanh liệt: “Dấu chân người lính” (Nguyễn Minh Châu), “Họ sống và chiến đấu” (Nguyễn Khải), “Đất nước đứng lên” (Nguyễn Ngọc)...

Chiến tranh đã lùi vào quá khứ, văn học sau 75 nhậm cảm hứng sử thi, chuyển sang cảm hứng thế sự, đời tư. Có lẽ đến giai đoạn này, ngôn ngữ văn xuôi đã thực sự phát huy được ưu thế mạnh mẽ của nó trong việc đi sâu vào phân tích và miêu tả tinh tế, chi li các đối tượng, các phương diện của đời sống, thể hiện về sống động, lung linh, bề bộn ấy. Nhà nghiên cứu Đào Thân thật sắc sảo khi nhận định: “*Văn xuôi hiện đại có đặc điểm là không khuôn vào trong phạm vi một mệnh đề, một câu cả một ý, một tư tưởng, một vấn đề trọn vẹn mà luôn luôn có xu hướng chẻ sợi tóc làm tư, cắt thành nhiều câu hoặc đoạn câu ngắn. Tuy vậy khi cần vẫn xuất hiện những câu dài với kết cấu đa dạng. Câu văn được phát triển bằng cách thêm đồng vị, mở rộng định ngữ, liên tục thuyết minh, tạo ra các kiểu lời nói khác nhau tùy theo những mục đích nghệ thuật nhất định*” [4].

Văn xuôi nói chung, truyện ngắn nói riêng, trong những năm gần đây “chất đời thường” đang đặc biệt phát triển. Cánh cửa dân chủ của tư duy nghệ thuật được mở rộng, ngôn từ trong tác phẩm cũng có nhiều thay đổi: nhiều lớp từ mới hình thành, một số từ cũ chuyển nghĩa hoặc thêm nghĩa mới, xuất hiện rất nhiều những từ khoa học, thuật ngữ, tiếng lóng... Khẩu ngữ đặc biệt gia tăng. Bên cạnh đó ngôn ngữ văn xuôi còn thể hiện thành công trong việc xử lý văn học dịch: lối viết du nhập các kỹ thuật truyện ngắn nước ngoài: tính đa thanh dòng ý thức, dòng hiện, từ nước ngoài...

2.2. Một số phong cách ngôn ngữ văn xuôi tiêu biểu.

Nói đến văn học là nói đến những phong cách cụ thể. Đối với ngôn ngữ văn học điều đó lại càng rõ. Hướng phát triển của ngôn ngữ văn học một thời được hình thành từ đóng góp chung của nhiều người viết văn, mỗi người một ít. Nhưng nếu hướng đó không được những ngòi bút xuất sắc nhất thực hiện theo cách riêng của mình để làm nên những thành tựu vững vàng, độc đáo thì vấn đề vẫn còn chưa rõ ràng. Lịch sử văn học chỉ ghi nhận vị trí vinh quang cho những nhà văn đóng góp lớn đến sự phát triển của ngôn ngữ dân tộc. Trong số các nhà văn Việt Nam hiện đại, Nguyễn Tuân thuộc loại có công đầu tiên trong việc xây dựng toà lâu đài tiếng nói mà ông thiết tha yêu mến. Cách viết, cách dùng chữ đặt câu của Nguyễn Tuân đã trở

thành một phong cách độc đáo. Ngôn từ nghệ thuật của Nguyễn Tuân là sự thể hiện cho nhân quan ngôn ngữ của ông - nhân quan nhìn ngôn từ như một hiện tượng nghệ thuật, luôn đem đến cái “mới”, cái “lạ” cho người đọc. Văn Nguyễn Tuân như một cõi riêng đầy ma lực cuốn hút người đọc với những so sánh phức hợp, những chuỗi định ngữ đầy chất tạo hình, gợi nhiều mỹ cảm: “Đêm xuân Tây Bắc, đồi núi đỏ rực lửa khói đốt nương, núi rừng bật sáng lên như hoa diêm sơn già bỗng vụt nhớ lại cái tuổi lửa đương thì” (Gió Than Uyên). Với Nguyễn Hồng lại là những trang viết “bao giờ cũng lớp lánh sự sống. Những dòng chữ đầy chi tiết cứ cựa quậy phập phồng. Một thứ văn bám riết lấy cuộc đời, quần quýt lấy con người”, “đầy cảm xúc, đầy chất thơ” [2]. Còn đặc trưng của ngôn ngữ Nguyễn Khải sau năm 75 là sự trăn thuật từ nhiều điểm nhìn, tăng cường tính đa thanh và sự đa dạng về giọng điệu, đặc biệt là cách kết hợp khéo léo các dạng thức của lời trăn thuật giữa lời gián tiếp của người kể chuyện với lời nửa trực tiếp hay lời trữ tình ngoại đề: “*Cũng có ngày ốm đau, nằm nhờ nhà người quen, bùng bát com nóng nhìn ngọn đèn dầu lại sợ nhớ trước đây mình có một gia đình, có một đứa con, sớm lo việc sớm, tối lo việc tối. Còn bây giờ bốn bề là nhà, chỉ lo thân mình sao được com ngày hai bữa, chân cứng đá mềm... Muốn về sống lại ở quê hương nào còn ai. Thôi đành đi mãi, ngày khoẻ đã vậy ngày ốm chưa biết ra sao. Muốn chết nhưng đời còn dài lên phải sống*” (“Mùa lạc”). Ngôn ngữ Nguyễn Khải là thứ ngôn ngữ trí tuệ, sắc sảo, mang tính chiến đấu, chân thật, nhưng lại rất gần với khẩu ngữ.

3. Kết luận

Ngôn ngữ văn xuôi nghệ thuật mang đặc trưng riêng so với các thể loại văn học khác. Nó trình bày hiện thực, nhân vật, sự kiện, tác giả... một cách sinh động. Quá trình phát triển của ngôn ngữ văn xuôi Việt Nam ngày càng đạt đến sự hoàn thiện, phù hợp với tư duy nghệ thuật và nhân quan ngôn ngữ của từng nhà văn, ở từng giai đoạn khác nhau.

Tài liệu tham khảo:

1. Phan Cư Đệ (1998), *Văn học Việt Nam 1900-1945*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Đăng Mạnh (1994), *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Vương Trí Nhàn (1995), *Một thời đại mới trong văn học*, NXB Văn học, Hà Nội.
4. Đào Thân (1994), *Đặc trưng của ngôn ngữ nghệ thuật thể hiện trong văn xuôi*, Tạp chí Văn học, số 2.
5. Bùi Việt Thắng (1999), *Bình luận truyện ngắn*, NXB Văn học, Hà Nội